TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 23/12/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Lữ; ông Lường Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Quàng Thị T**, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Bản G, xã L, tỉnh Đ, có mặt

2. Bị đơn: Ông **Quàng Văn T**, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Bản G, xã L, tỉnh Đ, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2025 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn bà Quàng Thị T trình bày:

Bà Quàng Thị T và ông Quàng Văn T sau một thời gian tìm hiểu nhau đã tự nguyện đến UBND xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (Nay là xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên) đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 03/3/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông T nghiện ma túy không tu trí xây dựng kinh tế gia đình, bà T đi làm thuê công ty xa nhà nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau nhiều lần cãi vã vợ chồng cũng được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không thành, hiện nay vợ chồng đã ly thân được từ giữa năm 2024 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà hiện nay quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy bà T làm đơn đề

nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho bà được ly hôn với ông Quàng Văn T.

[2]. Về con chung:

Đương sự có 03 con chung, cháu Quàng Thị Thu Hà, sinh ngày 06/6/2009; cháu Quàng Thị Hoàng Anh, sinh ngày 24/10/2011 và cháu Quàng Đức Duy, sinh ngày 23/11/2017. Bà T có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung cho tới khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Quàng Văn T: Ngày 10 tháng 11 năm 2025, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân Khu vực 2, Điện Biên đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 31/TB-TLVA ngày 10 tháng 11 năm 2025.

Theo nội dung bản tự khai đề ngày 20 tháng 11 năm 2025, ông Quàng Văn T trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Quàng Thị T kết hôn trên tình thần tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 03 năm 2014 tại UBND xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (Nay là xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên). Trong quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì vì vậy ông không đồng ý ly hôn.

[2]. Về con chung: Đương sự có 03 con chung, cháu Quàng Thị Thu Hà, sinh ngày 06/6/2009; cháu Quàng Thị Hoàng Anh, sinh ngày 24/10/2011 và cháu Quàng Đức Duy, sinh ngày 23/11/2017. Ông T không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề giải quyết về con chung.

[3]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Quàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện bà đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên. Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn ông Quàng Văn T:

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho ông Quàng Văn T tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa, ngày 17/12/2025 ông T không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho ông Quàng Văn T. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Xét quan hệ hôn nhân: bà T và ông T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T:

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại bà T không còn tình cảm với ông T. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông T là bất đồng quan điểm sống, ông T nghiện ma túy không tu trí làm ăn, bà T đi làm thuê công ty tại tỉnh Ninh Bình, ông T ở nhà tại bản Gióí A, xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chính quyền địa phương cũng xác nhận trong quá trình sống chung bà T và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc bà T cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, bà T không còn tình cảm với ông T là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định bà T và ông T không còn tình cảm, không cùng chung sống nuôi dạy con cái, vun vén hạnh phúc gia đình. Vì vậy, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Quàng Thị T, giải quyết cho bà Quàng Thị T ly hôn với ông Quàng Văn T.

Về con chung: Đương sự có 03 con chung; cháu Quàng Thị Thu Hà, sinh ngày 06/6/2009; cháu Quàng Thị Hoàng Anh, sinh ngày 24/10/2011 và cháu Quàng Đức Duy, sinh ngày 23/11/2017. Bà T yêu cầu được nuôi cháu Hà, cháu Hoàng An, cháu Duy cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động do ông T nghiện ma túy, thường xuyên bỏ bê nhà cửa, không quan tâm chăm sóc con cái, về cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại bà T có thu nhập ổn định, đang làm việc tại Công ty TNHH QMH COMPUTER LTD Ninh Bình (Theo phiếu lương từ tháng 7 năm 2025 đến tháng 10 năm 2025 bà T cung cấp cho Tòa án thì thấy bà có thu nhập từ 11.403.501 đồng đến 12.697.490 đồng/tháng), xét yêu cầu và nguyện vọng của bà T là chính

đáng, bà T là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung. HĐXX căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Quàng Thị Thu Hà, Quàng Thị Hoàng Anh, Quàng Đức Duy cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ: bà Quàng Thị T, ông Quàng Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án bà Quàng Thị T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa bà T tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho bà, bởi vì, bản thân và gia đình bà là người dân tộc Thái đang cư trú tại bản Giới A, xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (Nay là bản Giới A, xã Mường Luân, tỉnh Điện Biên) nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Quàng Thị T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn bà Quàng Thị T được ly hôn với bị đơn ông Quàng Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Quàng Thị Thu Hà, sinh ngày 06/6/2009; cháu Quàng Thị Hoàng Anh, sinh ngày 24/10/2011 và cháu Quàng Đức Duy, sinh ngày 23/11/2017 cho bà Quàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Quàng Thị T được miễn án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Quàng Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/12/2025). Bị đơn ông Quàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2;
- CCTHADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng GĐ TTr, KT - THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã ML;
- Lưu: HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Dũng **Bùi Như Lữ** **Lê Hồng Quang**